

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2017

V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Thêm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Yên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa:* Bà Bô Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 538/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc: Ly hôn và trA chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Ngọc A, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 1, khu phố B, phường TK, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 1, khu phố L, phường TK, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc A và ông Phan Văn Ph tìm hiểu nhau được 08 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân được cha mẹ hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn ngày 19/01/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn bà A và ông Ph ở trọ tại nhiều nhà trọ khác nhau trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh Phúc. Tuy nhiên, sau khi có con chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau liên quan đến vấn đề nợ ngân hàng, trách nhiệm của ông Ph đối với vợ con. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn cuộc sống của vợ chồng thiếu thốn nhưng ông Ph không có trách nhiệm

lo cho gia đình và vợ con. Một mình bà A phải lo mọi chi tiêu trong gia đình. Trong khi đó, ông Ph thường xuyên đi chơi với bạn bè, không phụ giúp bà A tiền chi tiêu trong gia đình và trả nợ cho ngân hàng. Từ khi bà A sinh con cho đến nay ông Ph vẫn không thay đổi, không có trách nhiệm đối với vợ con. Từ đầu năm 2016 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, bà A về nhà mẹ đẻ ở. Từ khi vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Ph.

Về con chung: Bà A và ông Ph có 01 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 16/01/2016. Sau khi ly hôn bà Trương Ngọc A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Phan Văn Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

- + Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn;
- + Trích lục giấy khai sinh mang tên Trương Minh T;
- + Quyết định đình chỉ số 67/2016/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2016;
- + Bản sao Giấy CMND + Sổ hộ khẩu mang tên Trương Ngọc A;
- + Bản sao Giấy CMND + Sổ hộ khẩu mang tên Phan Văn Ph.

Bị đơn ông Phan Văn Ph đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/12/2016, 17/01/2017, 27/02/2017 và tham gia phiên tòa vào ngày 11/5/2017 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo biên bản xác minh ngày 28/02/2017 nhà ông Phan Văn Phú tại tổ 1, khu phố L, phường TK, thị xã TU, tỉnh Bình Dương thì ông Ph ở với bà nội từ khi ly thân với bà A. Về mâu thuẫn của vợ chồng thì bà nội của ông Ph và chính quyền địa phương không biết do không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Về nội dung: Bà Trương Ngọc A và ông Phan Văn Ph tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyền số 01/2015, ngày 19/01/2015). Bà Trương Ngọc A yêu cầu ly hôn vì ông Phan Văn Ph không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình và không chăm sóc con cái, vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2016 đến nay; bà A yêu cầu được quyền nuôi con là phù hợp vì hiện tại con chung còn nhỏ dưới 18 tháng tuổi; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Ngọc A có đơn khởi yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn Ph và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án “Ly hôn và trA chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Phan Văn Ph có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Phan Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/12/2016, 17/01/2017 và 27/02/2017 nhưng ông Ph vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ ông Phan Văn Ph tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 11/5/2017 nhưng ông Ph vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông Ph tham gia phiên tòa vào ngày 30/5/2017 nhưng ông Ph vẫn vắng mặt không có lý do là ông Ph đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông Ph theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc A và ông Phan Văn Ph là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyền số 01/2015, ngày 19/01/2015), đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi có con chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2016 vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét, mâu thuẫn giữa bà A và ông Ph đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

[4]. Về con chung: Bà A và ông Ph có 01 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 16/01/2016. Bà A tự nguyện yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là phù hợp với đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.” nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khoá 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc A về việc ly hôn và trảA chấp về nuôi con với ông Phan Văn Ph như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc A được ly hôn với ông Phan Văn Ph.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 16/01/2016 cho bà Trương Ngọc A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Ngọc A không yêu cầu ông Phan Văn Ph cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Văn Ph và bà Trương Ngọc A đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông Ph được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Ph lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Ph. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Trương Ngọc A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu

trừ vào 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2014/0012954**, ngày **29/11/2016** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Ngọc A có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn Ph vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- UBND phường T;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Lượng Nguyễn Thị Ngọc A

Võ Thị Hồng Thêm